TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 581/2019/DS-PT
Ngày: 18 - 11 - 2019
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3132/2019/QĐPT ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Phan Văn H, sinh năm 1971;

2. Phan Thị Kim O, sinh năm 1973;

3. Phan Thị Kim Y, sinh năm 1977;

4. Phan Văn H, sinh năm 1970;

5. Phan Thị Kim B, sinh năm 1982;

6. Phan Thị Kim H, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1. Phan Văn H2, sinh năm 1960;

2. Nguyễn Thị V, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: 252/5 ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Văn V

Địa chỉ: 17/23C đường L, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Th, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn i – Phó chủ tịch UBND huyện Thủ Th.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc Nh – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Thủ Th.

2. Ông Lê Phát D, sinh năm: 1969

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

3. Ông Trịnh Quang N, sinh năm: 1969

Địa chỉ: ấp Bình Lương 2, xã B, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt; ông T, ông Nh, ông D và ông N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phan Văn H, bà Phan Thị Kim O, bà Phan Thị Kim Y, ông Phan Văn H, bà Phan Thị Kim B, bà Phan Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Văn H, bà Phan Thị Kim O, bà Phan Thị Kim Y, ông Phan Văn H, bà Phan Thị Kim B, bà Phan Thị Kim H trình bày:

Năm 1984, Phan Văn V là cha của H, O, Y, H, B và H được tập đoàn giao cho nhiều thửa đất trong đó có thửa 1257, diện tích 1.868m^2, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã B, huyện Thủ Th, tỉnh Long An. Sau khi được giao đất thì ông V sử dụng đến ngày 13/9/1995, ông V được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A769263. Khoảng năm 1996-1997, ông Phan Văn H (em ruột ông V) có xin ông V mượn sử dụng thửa đất 1257 đến khi nào có điều kiện sẽ trả lại, nên ông V đồng ý cho ông H mượn canh tác. Năm 1993, bà Trương Thị L là vợ ông V chết và đến năm 2009, ông V chết nhưng ông H vẫn không giao trả lại thửa đất trên. Do đó, ông H, bà O, bà Y, ông H, bà B và bà H là các đồng thừa kế của ông Phan Văn V khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ giao trả cho ông H, bà O, bà Y, ông H, bà B và bà H thửa đất 1257 diện tích 1.868m^2, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã B, huyện Thủ Th, tỉnh Long An

Bị đơn Phan Văn H2 và Nguyễn Thị V trình bày:

Nguồn gốc thửa 1257 là của ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị Đ (cha mẹ của ông H và ông V) cho ông H từ khi rã tập đoàn năm 1985. Ông Phan Văn H được ông L, bà Đ cho thửa 1257 sử dụng ổn định đến nay. Ông V khi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì kê khai luôn thửa 1257 của ông H. Do đó, ông H2, bà V không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông H2, bà V yêu cầu Tòa án xem xét hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Th đã cấp cho ông V số A769263 ngày 13/9/1995 đối với thửa 1257, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.868m^2 để ông H2 và và V được quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa 1257.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Uỷ ban nhân dân huyện Thủ Th có văn bản số 1082/UBND-NC ngày 09/8/2017 trình bày:

Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho ông Phan Văn V căn cứ sổ bộ và bản đồ không ảnh, không đo đạc thực tế.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn V tại thửa 1257, tờ bản đồ số 01 cũ, diện tích 1.868m^2 đất trồng lúa là không đúng theo quy định của pháp luật đất đai. Kiến nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ được cung cấp, đối chiếu quy định pháp luật giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trịnh Quang N và Lê Phát D có văn bản trình bày:

Ông D và ông N là những người canh tác liền kề với thửa 1257 xác định ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị V canh tác thửa 1257 từ năm 1985 đến nay, không ai tranh chấp. Ông Lê Phát D và ông Trịnh Quang N xác định ông D và ông N không tranh chấp ranh giới của thửa 1257 với ông H, bà V.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 264/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Căn cứ Điều 166 và Điều 106 Luật đai đai; Điều 33, Điều 35 và Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết của Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phan Văn H, Phan Thị Kim O, Phan Thị Kim Y, Phan Văn H, Phan Thị Kim B và Phan Thị Kim H về việc đòi lại quyền sử dụng đất đối với ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị V đối với thửa 1257, diện tích 1.868m^2 (diện tích đo đạc thực tế 1.743m^2), tờ bản đồ số 01, tọa lạc xã B, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H2 và bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của UNBD huyện Thủ Th.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 14013 ngày 13/9/1995 do UBND huyện Thủ Th cấp cho ông Phan Văn V đối với thửa 1257, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.868m^2, tọa lạc ấp Bà Phổ, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Phan Văn H, bà Phan Thị Kim O, bà Phan Thị Kim Y, ông Phan Văn H, bà Phan Thị Kim B, bà Phan Thị Kim H kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Cho rằng không phải đất của ông bà nội mà là đất của ba ông để lại nên đề nghị hủy toàn bộ bản án.

Bị đơn thì cho rằng đây là đất bố mẹ ông là ông Lang và bà Đ tặng cho ông đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về hình thức đơn kháng cáo của đương sự lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Các nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết, chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của đồng nguyên đơn nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm xác định là án hành chính do ký hiệu phần đầu bản án ghi HC-ST (viết tắt của hành chính sơ thẩm) và giải quyết về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính. Xét thấy, việc ghi như vậy là do sơ suất của cấp sơ thẩm nhưng không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án và cũng đã được đính chính tại thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 81/2018/TB-TA ngày 07/12/2018.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông Phan Văn H, bà Phan Thị Kim O, bà Phan Thị Kim Y, ông Phan Văn H, bà Phan Thị Kim B, bà Phan Thị Kim H về việc đòi bị đơn trả lại quyền sử dụng đất:

Nguyên đơn xác định thửa đất 1257 diện tích 1.868m^2, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã B, huyện Thủ Th, tỉnh Long An có nguồn gốc của ông Phan Văn L và bà Trần Thị Đẹt cho ông Phan Văn V từ năm rã tập đoàn và cha của mình là ông Phan Văn V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông

Phan Văn H2 và bà Nguyễn Thị V xác định là ông Lang, bà Đ chỉ cho ông H thửa 1257, riêng ông V thì cho các thửa khác gồm 1258, 2298 và 2297 mà không có thửa 1257. Lời trình bày của ông H2, bà V được chính những người trong gia đình gồm bà Trần Thị Đ (chết năm 2018) là mẹ ruột của ông V và ông H xác nhận vào ngày 07/4/2017. Những anh chị em ruột của ông H và ông V gồm Phan Văn Ph, Phan Thị Đ, Phan Văn Ng, Phan Thị Nh và Phan Thị Ng cùng xác nhận ngày 21/3/2017, đều khẳng định thửa 1257 là của bà Đ và ông L cho ông H2, ông V được cho các thửa khác chứ không phải thửa 1257. Phù hợp với lời xác nhận của Trưởng ấp Nguyễn Văn T ngày 10/11/2017 xác định ông H2 đã sử dụng và canh tác trên thửa 1257 liên tục, ổn định và không ai tranh chấp từ năm 1985 đến nay.

Dù các nguyên đơn chỉ thừa nhận việc ông Phan Văn H2 và bà Nguyễn Thị V canh tác từ năm 1997 (sau thời điểm ông V được cấp giấy) đến nay. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện các tài liệu và chứng cứ thu thập được đủ căn cứ xác định phía bị đơn là ông H2 và bà V đã canh tác liên tục từ năm 1985 đến nay chứ không phải năm 1997 như nguyên đơn trình bày. Trong quá trình sử dụng từ năm 1985 đến nay thì ông V, bà Liễu không có tranh chấp. Bà L chết năm 1993, ông V chết năm 2009 đến khi ông H2 khiếu nại việc cấp giấy cho ông V thì các nguyên đơn mới tranh chấp cho rằng ông Phan Văn H2 và bà Nguyễn Thị V được ông Phan Văn V cho mượn thửa 1257 để canh tác nhưng không được bà Vâng và ông H thừa nhận. Hơn nữa, các nguyên đơn cũng không đưa ra được chứng cứ nào thể hiện việc mượn đất của ông V với ông H, bà Vâng nên không thể chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn.

UBND huyện Thủ Th là cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V cũng xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn V là cấp theo kê khai, không đo đạc thực tế nên không phát hiện việc ông H mới là người canh tác trực tiếp trên thửa 1257 từ năm 1985 đến nay và khẳng định việc cấp cho ông V là không đúng quy định.

Ngoài ra, ông Lê Phát D và ông Trịnh Quang N là những người canh tác liền kề, giáp ranh thửa 1257 cũng xác định ông H2, bà V canh tác từ năm 1985 đến nay. Hiện ông N và ông D cũng xác định ranh giới các bên rõ ràng và không tranh chấp gì đối với ranh giới thửa 1257 theo bản trích đo bản đồ địa chính ngày 13/6/2018.

Do đó, có đủ căn cứ xác định việc ông Phan Văn L, bà Trần Thị Đ cho ông Phan Văn H2 thửa 1257 và ông Phan Văn H2 và bà Nguyễn Thị V canh tác từ năm 1985 đến nay, không ai tranh chấp chỉ đến khi ông H2, bà V khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V thì các nguyên đơn là những đồng thừa kế của ông V mới phát sinh tranh chấp đòi đất. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đòi ông Phan Văn H2 và bà Nguyễn Thị V trả lại thửa 1257, diện tích 1.868m^2, tờ bản đồ số 1, tọa lạc xã B, huyện Thủ Th, tỉnh Long An là có căn cứ.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 14013 ngày 13/9/1995 do

UBND huyện Thủ Th cấp cho ông Phan Văn V đối với thửa 1257, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.868m^2, tọa lạc ấp Bà Phổ, huyện Thủ Th, tỉnh Long An của bị đơn là có căn cứ.

[2.2] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn kháng cáo cho rằng đây là hủy quyết định cá biệt trong vụ án dân sự nên căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326 thì UBND huyện Thủ Th phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Nhưng tại bản án án sơ thẩm không tính án phí cho UBND huyện Thủ Th là vi phạm pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy đây là tranh chấp dân sự về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" nên theo quy định tại Nghị quyết 326 do yêu cầu nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí như bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đồng nguyên đơn là ông Phan Văn H, bà Phan Thị Kim O, bà Phan Thị Kim Y, ông Phan Văn H, bà Phan Thị Kim B, bà Phan Thị Kim H.

Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 166 và Điều 106 Luật đai đai; Điều 33, Điều 35 và Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết của Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phan Văn H, Phan Thị Kim O, Phan Thị Kim Y, Phan Văn H, Phan Thị Kim B và Phan Thị Kim H về việc đòi lại quyền sử dụng đất đối với ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị V đối với thửa 1257, diện tích 1.868m^2 (diện tích đo đạc thực tế 1.743m^2), tờ bản đồ số 01, tọa lạc xã B, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của UNBD huyện Thủ Th.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 14013 ngày 13/9/1995 do UBND huyện Thủ Th cấp cho ông Phan Văn V đối với thửa 1257, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.868m^2, tọa lạc ấp Bà Phổ, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

Ông Phan Văn H2 và bà Nguyễn Thị V có quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1257 theo quy định pháp luật.

3/ Về chi phí thẩm định xem xét tại chỗ, đo đạc và định giá 12.000.000đ các nguyên đơn Phan Văn H, Phan Thị Kim O, Phan Thị Kim Y, Phan Văn H, Phan Thị Kim B và Phan Thị Kim H phải chịu do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, các nguyên đơn đã nộp xong.

4/ Về án phí sơ thẩm: Các nguyên đơn ông H, bà O, bà Y, ông H, bà B và bà H phải liên đới nộp 28.125.120đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước. Khấu trừ số tiền 3.269.000đ tạm ứng án phí các nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0009926 ngày 26/10/2017, các nguyên đơn H, O, Y, H, B và H phải liên đới nộp tiếp 24.854.120đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Văn H2 và bà Nguyễn Thị V không phải nộp án phí nên hoàn trả cho ông H, bà V 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo theo các biên lai thu số 0009602 và 0009603 cùng ngày 06/7/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

- Án phí phúc thẩm: Các nguyên đơn ông H, bà O, bà Y, ông H, bà B và bà H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu số 0000214, 0000215, 0000216, 0000217, 0000218, 0000219 ngày 14/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An, xác nhận đã nộp đủ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Long An; (1)
- VKSND tỉnh Long An; (1)
- Cục THADS tỉnh Long An; (1)
- Đương sự (7)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) 20b (MTTT)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Huyền Vân